

THÔNG BÁO
Công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2022 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt Phương án bán đấu giá QSD đất đối với 63 thửa đất thuộc dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc Đấu giá QSD đất đối với 63 thửa đất thuộc dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 63 thửa đất thuộc dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá.

Tên của người có tài sản đấu giá (chủ đầu tư): Ủy ban nhân dân phường Quảng Phúc.

Đơn vị được ủy quyền: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

- Địa chỉ: Cơ sở 1 - Số 21, đường Lý Thường Kiệt, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá.

2.1 Tên tài sản, số lượng tài sản đấu giá:

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất đối với 63 thửa đất thuộc dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Địa chỉ: phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Số lượng thửa đất: 63 thửa đất.
- Tổng diện tích 63 thửa đất: **13.398,8 m²**.
- Tổng giá khởi điểm của 63 thửa đất: 71.910.000.000 đồng.

2.2 Chất lượng tài sản, giá khởi điểm:

- Các thửa đất đã được giải phóng mặt bằng.
- Mục đích sử dụng các thửa đất: ODT (Đất ở đô thị).
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- Giá khởi điểm các thửa đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Điều 3 và Phụ lục I ban hành theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022 của Bộ Tư pháp; các tiêu chí khác do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn quyết định, cụ thể như sau:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với tài sản là quyền sử dụng đất.

- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả. *(Có phương án dự thảo kèm theo)*

- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Các tổ chức đấu giá tài sản phải có tài khoản giao dịch ngân hàng thương mại lập tại các ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng đóng trên địa bàn thị xã Ba Đồn.

- Các tiêu chí khác do chủ tài sản và Tổ xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản quyết định.

- Đơn vị tổ chức đấu giá phải đảm bảo bảo mật thông tin khách hàng và thực hiện đúng trình tự thủ tục đã được quy định.

(Lưu ý: Các tổ chức đấu giá nộp hồ sơ kèm theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản theo mẫu Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp)

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký của các tổ chức đấu giá.

4.1 Thời gian: Từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 08/07/2022 (Giờ hành chính các ngày làm việc).

4.2 Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

- Địa chỉ: Cơ sở 2 - Số 160, đường Chu Văn An, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại: **0914.530.407**

- Hồ sơ tham gia được niêm phong và do đại diện tổ chức đấu giá nộp trực tiếp tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn Thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản chuyên nghiệp biết, có nhu cầu nộp hồ sơ đăng ký để Tổ tư vấn xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản xem xét và trình UBND thị xã Ba Đồn Quyết định lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất 63 thửa đất thuộc dự án Phát triển quỹ đất Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Thông báo này được đăng trên Trang thông tin điện tử của UBND thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình và Cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND thị xã (để b/c);
- Tổ Tư vấn xét duyệt hồ sơ (để b/c);
- UBND phường Quảng Phúc (để phối hợp);
- Giám đốc Ban (để b/c);
- VP HĐND&UBND thị xã (để đăng tải);
- Cổng TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Minh Trịnh

PHỤ LỤC CHI TIẾT

TT	Lô đất số	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Mục đích SD	Diện tích (m²)	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
1	A1	558	12	ODT	282,0	1.800.000.000	
2	A2	559	12	ODT	203,1	1.178.000.000	
3	A3	560	12	ODT	195,8	1.136.000.000	
4	A4	545	12	ODT	191,1	1.109.000.000	
5	A5	546	12	ODT	189,1	1.097.000.000	
6	A6	547	12	ODT	187,2	1.086.000.000	
7	A7	548	12	ODT	250,0	1.595.000.000	
8	A8	571	12	ODT	269,9	1.409.000.000	
9	A9	572	12	ODT	190,0	912.000.000	
10	A10	573	12	ODT	190,0	912.000.000	
11	A11	562	12	ODT	190,0	912.000.000	
12	A12	563	12	ODT	190,0	912.000.000	
13	A13	564	12	ODT	190,0	912.000.000	
14	A14	565	12	ODT	303,2	1.583.000.000	
15	B1	532	12	ODT	282,9	1.805.000.000	
16	B2	533	12	ODT	194,2	1.127.000.000	
17	B3	534	12	ODT	190,8	1.107.000.000	
18	B4	522	12	ODT	189,8	1.101.000.000	
19	B5	523	12	ODT	192,5	1.117.000.000	
20	B6	524	12	ODT	195,4	1.134.000.000	
21	B7	526	12	ODT	198,7	1.153.000.000	
22	B8	518	12	ODT	204,1	1.184.000.000	
23	B9	519	12	ODT	209,9	1.218.000.000	

24	B10	520	12	ODT	348,1	2.120.000.000	
25	B11	549	12	ODT	264,0	1.379.000.000	
26	B12	550	12	ODT	190,0	912.000.000	
27	B13	551	12	ODT	190,0	912.000.000	
28	B14	535	12	ODT	190,0	912.000.000	
29	B15	536	12	ODT	190,0	912.000.000	
30	B16	537	12	ODT	190,0	912.000.000	
31	B17	538	12	ODT	190,0	912.000.000	
32	B18	527	12	ODT	190,0	912.000.000	
33	B19	528	12	ODT	190,0	912.000.000	
34	B20	529	12	ODT	190,0	912.000.000	
35	B21	521	12	ODT	300,4	1.551.000.000	
36	C1	574	12	ODT	210,0	987.000.000	
37	C2	575	12	ODT	210,0	987.000.000	
38	C3	576	12	ODT	231,0	1.086.000.000	
39	C4	577	12	ODT	231,0	934.000.000	
40	C5	578	12	ODT	198,3	802.000.000	
41	C6	566	12	ODT	223,6	1.051.000.000	
42	C7	567	12	ODT	210,0	987.000.000	
43	C8	568	12	ODT	210,0	987.000.000	
44	C9	552	12	ODT	210,0	987.000.000	
45	C10	553	12	ODT	210,0	987.000.000	
46	C11	554	12	ODT	210,0	987.000.000	
47	C12	555	12	ODT	210,0	987.000.000	
48	C13	539	12	ODT	210,0	987.000.000	
49	C14	540	12	ODT	210,0	987.000.000	

50	C15	541	12	ODT	210,0	987.000.000	
51	C16	542	12	ODT	210,0	987.000.000	
52	C17	530	12	ODT	387,8	2.226.000.000	
53	C18	543	12	ODT	257,9	1.576.000.000	
54	C19	544	12	ODT	180,0	1.100.000.000	
55	C20	556	12	ODT	180,0	1.100.000.000	
56	C21	557	12	ODT	180,0	1.100.000.000	
57	C22	585	15	ODT	180,0	1.100.000.000	
58	C23	584	15	ODT	180,0	1.100.000.000	
59	C24	586	15	ODT	180,0	1.100.000.000	
60	C25	588	15	ODT	180,0	1.100.000.000	
61	C26	589	15	ODT	180,0	1.100.000.000	
62	C27	592	15	ODT	203,5	1.417.000.000	
63	C28	591	15	ODT	203,5	1.417.000.000	
Tổng số: 63 thửa đất					13.398,8	71.910.000.000	

PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an	4,0

	<i>toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	4,0
3	<i>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</i>	2,0
4	<i>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</i>	1,0
5	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
II	<i>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</i>	22,0
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4,0
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	<i>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</i>	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0

1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0

4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0

1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>